

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định
về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 135/2015/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP.
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức nước ngoài có chương trình thường cổ phiếu phát hành ở nước ngoài là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức nước ngoài).
3. Tổ chức thực hiện chương trình thường cổ phiếu phát hành ở nước ngoài là hiện diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng điều hành của bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là tổ chức thực hiện chương trình thường cổ phiếu).
4. Tài khoản vốn tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của tổ chức tự doanh mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi được phép liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi là tài khoản tự doanh).
5. Tài khoản vốn nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của tổ chức nhận ủy thác mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi được phép liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi là tài khoản nhận ủy thác).
6. Tài khoản thực hiện chương trình thường cổ phiếu phát hành ở nước ngoài là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của tổ chức thực hiện chương trình thường cổ phiếu mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi được phép liên quan đến việc thực hiện chương trình thường cổ phiếu phát hành ở nước ngoài (sau đây gọi là tài khoản thực hiện chương trình).

7. Tổng hạn mức tự doanh hàng năm là tổng số ngoại tệ tối đa của các tổ chức tự doanh được sử dụng để thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hàng năm.

8. Tổng hạn mức nhận ủy thác hàng năm là tổng số ngoại tệ tối đa của các đối tượng nhận ủy thác được nhận ủy thác để thực hiện hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hàng năm.

Điều 4. Công cụ đầu tư được phép đầu tư gián tiếp ở nước ngoài

1. Tổ chức tự doanh, tổ chức nhận ủy thác được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các công cụ đầu tư sau đây:

- a) Cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán ở nước ngoài;
- b) Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán;
- c) Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của Chính phủ và của các tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế: Standard & Poor's, Moody's Investors Service và Fitch Ratings.

2. Hoạt động mua, bán chứng chỉ tiền gửi của tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại và công ty tài chính tổng hợp thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 5. Tỷ lệ đầu tư an toàn của tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp

1. Tỷ lệ đầu tư an toàn của tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp là 7% vốn tự có của chính tổ chức tự doanh đó, không bao gồm các hoạt động đầu tư, kinh doanh của chi nhánh ở nước ngoài của chính tổ chức tự doanh đó.

2. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp không được vượt quá tỷ lệ đầu tư an toàn quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.

3. Trường hợp vượt quá tỷ lệ đầu tư an toàn do giảm vốn tự có, Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp phải:

- a) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước ngay khi có tình trạng vượt tỷ lệ đầu tư an toàn do giảm vốn tự có;

b) Có biện pháp cần thiết để tăng vốn tự có; xử lý các khoản đầu tư ở nước ngoài và chuyển tiền đã đầu tư về nước nhằm đảm bảo tuân thủ tỷ lệ đầu tư an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn tối đa 03 (ba) tháng kể từ tháng đầu tiên vượt quá tỷ lệ đầu tư an toàn;

c) Dừng chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký trong năm.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác

1. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP:

a) Đơn đề nghị cho phép thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức kinh tế về việc phê duyệt chủ trương đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đính kèm phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trong đó nêu rõ tổng vốn đầu tư, mục đích đầu tư, hình thức đầu tư, công cụ đầu tư, nguồn vốn để thực hiện đầu tư, thời hạn đầu tư, tổ chức tín dụng nơi dự kiến mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài).

2. Trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP:

a) Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 06 (sáu) bộ hồ sơ đề nghị cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng tiếng Việt đến Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi lấy ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan;

c) Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

3. Việc chuyển vốn ra nước ngoài, chuyển vốn và nguồn thu nhập hợp pháp về Việt Nam đối với các trường hợp đầu tư khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép phải thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép theo phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Đối tượng đầu tư gián tiếp ra nước ngoài dưới hình thức tham gia chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài

Người lao động có quốc tịch Việt Nam đang làm việc tại tổ chức nước ngoài ở Việt Nam được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài dưới hình thức tham gia chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài.

Điều 8. Nguyên tắc thực hiện chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài

Việc thực hiện chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Chương trình thương cổ phiếu phát hành ở nước ngoài có đối tượng tham gia là người lao động có quốc tịch Việt Nam chỉ được thực hiện thông qua tổ chức thực hiện chương trình thương cổ phiếu và sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký.

2. Ngoại tệ thu được từ việc bán cổ phiếu, bán quyền mua cổ phiếu ở nước ngoài của người lao động có quốc tịch Việt Nam, cổ tức và các thu nhập hợp pháp khác phải chuyển cho người lao động có quốc tịch Việt Nam thông qua tài khoản thực hiện chương trình quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối, nghĩa vụ nộp thuế thu nhập và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 9. Hình thức thương